TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 36/2024/DS-GĐT
Ngày 12-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sở hữu thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- ***Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có*:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Các Thẩm phán: Bà Lương Ngọc Trâm;
Ông Nguyễn Văn Dũng;
Ông Nguyễn Hồng Nam;
Ông Trần Hồng Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sở hữu thẻ tín dụng*" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Phú H, sinh năm 1956; cư trú tại: 201A1 Bình T, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Hải B; cư trú tại: A43 ấp Tiền L, xã Bà Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 07/9/2022).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen Anh N), sinh năm 1953; cư trú tại: F Viaespanadrive Houston T, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978; cư trú tại: 284 Nam Kỳ Khởi N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn

bản ủy quyền ngày 24/5/2018 tại H, TX, USA, hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/6/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyen Henry H1 (Nguyễn Hoàng T1), sinh năm 1957; cư trú tại: F Via Espama drive Houston T 77083 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; cư trú tại: A7.13 khu A, chung cư Deport M, phường Tân Thới N, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2018 tại Hoa Kỳ, hợp pháp hóa lãnh sự ngày 20/12/2018).

2. Bà Hồ Lệ T2 (Cheung J), sinh năm 1942; cư trú tại: 48/47/36 Huỳnh Tấn P, phường Tân Thuận Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Phú H trình bày:

Ông có con gái tên Phạm Xuân T3 đang theo học tại Hoa Kỳ, con gái của ông có quen biết và thường xuyên qua lại với gia đình bà Nguyễn Ngọc A nên đã kết hôn với con trai của bà A. Ông là chủ sở hữu thẻ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản thẻ tiết kiệm: 220004355948, số seri: CA 02371990, số tiền: 1.800.000.000 đồng. Vì chị T3 đang theo học tại Hoa Kỳ nên ông có gửi tiền cho chị T3 sinh hoạt và học tập. Do bà A là thông gia với gia đình, mỗi khi về Việt Nam đều sống và sinh hoạt tại gia đình ông nhiều lần nên ông tin tưởng. Ngày 18/5/2017, ông có làm giấy đề nghị chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm nêu trên cho bà A cùng toàn bộ số tiền 1.800.000.000 đồng với mục đích nhờ bà A sau khi nhận chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm thì khi về Hoa Kỳ trả lại cho chị T3 có tiền chi phí học tập và sinh hoạt. Trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng thẻ thì giữa ông và bà A đã trao đổi cụ thể với nhau về mục đích giao nhận tiền là chuyển cho chị T3, do là thông gia nên giữa ông và bà A không làm giấy tờ gì.

Tuy nhiên, sau khi nhận thẻ tiết kiệm thì bà A sang Hoa Kỳ và không thực hiện việc chuyển số tiền 1.800.000.000 đồng cho chị T3. Bà A cố tình chiếm giữ số tiền trên cho tới bây giờ. Việc bà A chiếm giữ số tiền nêu trên gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc học tập và sinh hoạt của chị T3 tại Hoa Kỳ, đồng thời cũng xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen Anh N) phải trả lại cho ông số tiền: 1.800.000.000 đồng trong tài khoản thẻ tiết kiệm số: 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh mà ông đã chuyển cho bà A vào ngày 18/5/2017. Yêu cầu bà A

trả một lần số tiền nêu trên cho ông ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen Anh N) trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Số tiền 1.800.000.000 đồng không phải là tiền ông H gửi cho con gái đang du học tại Hoa Kỳ mà đó là số tiền vợ chồng bà A nhờ ông H chuyển nhượng căn nhà tại địa chỉ số 184/15 (số 64/15) Đường số 10, Phường 9, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà đất tại số 184/15 Đường số 10) thuộc sở hữu của ông T1 (chồng của bà A) và bà Hồ Lệ T2 (Cheung J) theo Giấy chứng nhận số 1321/2008/UB-GCN do Ủy ban nhân dân quận Gò V cấp ngày 29/02/2008.

Ngày 25/7/2016, ông T1 ủy quyền cho ông Phạm Phú H theo Hợp đồng ủy quyền số 00024899, quyển số 07TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Đầm S, trong đó có nội dung ông H thay mặt và đại diện ông T1 quản lý, sử dụng, cho thuê, bán, chuyển nhượng hoặc tặng cho đối với toàn bộ phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T1 trong căn nhà trên.

Ngày 12/12/2016, ông T1, bà T2 bán căn nhà trên cho ông Trịnh Đức D (theo Hợp đồng đặt cọc ngày 12/12/2016). Theo hợp đồng này, tổng giá trị chuyển nhượng căn nhà là 6.500.000.000 đồng, ông D đã giao số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông T1, bà T2 ngay khi ký hợp đồng đặt cọc.

Ngày 20/02/2017, ông D thanh toán đủ số tiền 4.500.000.000 đồng (do ông Phạm Phú H ký nhận), 500.000.000 đồng tiền mặt khi ký hợp đồng và 4.000.000.000 đồng sẽ giao bằng sổ tiết kiệm.

Ông D đã chuyển khoản tiền mua nhà vào tài khoản của ông H. Sau khi nhận được tiền bán nhà thì ông H không giao cho vợ chồng bà A. Do đó, vợ chồng bà A phải về Việt Nam gặp ông H để đòi lại số tiền bán nhà trên. Sau đó, ông H dẫn bà A ra Ngân hàng TMCP C để trả trước 2.000.000.000 đồng. Bà A lấy ra 200.000.000 đồng xài riêng, số tiền còn lại 1.800.000.000 đồng bà A lập sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh do bà A là chủ sở hữu. Do đó, 1.800.000.000 đồng là tiền bán nhà của vợ chồng bà A, không phải tiền của ông H như ông H trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T1 (Nguyen Henry H) do người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông T1 là người được hưởng một số di sản thừa kế của mẹ là bà Tạ Thị H2, trong đó có nhà đất tại số 184/15 Đường số 10. Năm 2016, bà Hồ Lệ T2 khởi kiện tranh chấp thừa kế với ông T1 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông T1 là người có quốc tịch nước ngoài, lại không sinh sống thường xuyên tại Việt Nam nên đã ủy quyền cho ông Phạm Phú H làm đại diện và ông Trịnh Bá T4

là Luật sư được ông H mời để đại diện cho ông T1 tham gia tố tụng tại Tòa án. Sau đó, hai bên hòa giải thành nên ngày 25/7/2016, tại Văn phòng Công chứng Đầm S, ông T1 và ông Phạm Phú H đã lập Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016.

Theo nội dung hợp đồng ủy quyền, ông H được quyền thay mặt ông T1 thực hiện một số quyền và nghĩa vụ, trong đó có việc khai nhận di sản thừa kế, cử đại diện đứng tên của căn nhà nêu trên và được quyền đại diện cho ông T1 quản lý, sử dụng, cho thuê, bán, chuyển nhượng, tặng cho... đối với căn nhà nêu trên, nhưng không được quyền sở hữu, sử dụng khoản tiền mua bán, chuyển nhượng căn nhà nêu trên của ông T1.

Ngày 12/12/2016, ông T1 và bà Hồ Lệ T2 ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng nhà đất tại số 184/15 Đường số 10 cho ông Trịnh Đức D với giá 6.500.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc, ông D đã chuyển trả cho ông T1 và bà T2 số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2017, hai bên ra công chứng, ông D thanh toán số tiền 500.000.000 đồng tiền mặt do bà T2 nhận, số tiền 4.000.000.000 đồng còn lại ông D thanh toán thông qua việc thế chấp và vay Ngân hàng, sau đó sẽ trả cho ông T1 bằng 02 sổ tiết kiệm đứng tên ông Phạm Phú H. Chính ông H là người ký nhận đã nhận đủ số tiền. Do ông H không tự nguyện thanh toán lại cho ông T1 nên vợ chồng ông T1 phải về Việt Nam để yêu cầu ông H chuyển trả số tiền bán nhà nêu trên.

Ông H dẫn bà A ra Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh để trả trước 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T1, bà A không rành các thủ tục ở Việt Nam nên các thủ tục Ngân hàng đều do ông H lo. Bà A lấy 200.000.000 đồng tiền mặt làm từ thiện nên số tiền còn lại trong tài khoản là 1.800.000.000 đồng, ông H chuyển cho bà S đứng tên chủ tài khoản. Do đó, số tiền mà ông H khởi kiện đòi bà A là tiền do bán nhà của vợ chồng bà A, ông T1 được hưởng chứ không phải tiền của ông H.

Ngoài ra, ông H còn giữ của vợ chồng bà A, ông T1 01 sổ tiết kiệm trị giá 2.000.000.000 đồng từ việc mua bán nhà nêu trên, đến nay ông H chưa trả. Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu ông H chuyển trả toàn bộ số tiền nêu trên cho ông T1 nhưng ông H vẫn không chuyển trả. Do đó, yêu cầu của ông H là hoàn toàn không có căn cứ, ông T1 có yêu cầu độc lập như sau:

- Yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 giữa ông T1 và ông Phạm Phú H.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu bà A phải trả cho ông H số tiền 1.800.000.000 đồng.

-Buộc ông Phạm Phú H phải trả lại cho ông T1 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ tháng 3 năm 2017 đến nay theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, số tiền lãi tạm tính là 360.000.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi yêu cầu tạm tính đến tháng 02/2019 là 2.360.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Trịnh Bá T4 trình bày: Ông là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 trong vụ án tranh chấp chia thừa kế. Tài sản ông T1 và các đồng thừa kế được hưởng là 02 căn nhà và tiền trong sổ tiết kiệm tại Ngân hàng do bà Tạ Thị H2 để lại. Ông cho biết trong một lần đi ăn cùng vợ chồng ông T1, bà A ông có hỏi đã nhận đủ tiền mà ông T1 đã được hưởng theo thỏa thuận chưa thì ông T1 trả lời đã nhận đầy đủ tiền từ việc chia số tiền tiết kiệm trong Ngân hàng và tiền bán hai căn nhà từ ông Phạm Phú H. Ông chỉ biết sự việc như trên còn sau đó ông T1, bà A có thỏa thuận gì thêm thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1393/2020/DS-ST ngày 03/9/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Phạm Phú H về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen Anh N) hoàn trả số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) trong tài khoản thẻ tiết kiệm số: 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T1 (Nguyen H) về việc hủy Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 tại Văn phòng Công chứng Đầm S giữa ông T1 và ông Phạm Phú H. Buộc ông H phải thanh toán cho ông T1 số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T1 (Nguyen Henry H) về việc yêu cầu ông Phạm Phú H trả số tiền lãi tương ứng là 614.000.000đ (Sáu trăm mười bốn triệu đồng).

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 85/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/9/2020, nguyên đơn ông Phạm Phú H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 668/2022/DS-PT ngày 22/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Phú H; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T1 (Nguyen Henry H) do bà Nguyễn Thị M làm đại diện kháng cáo. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1393/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Phạm Phú H. Buộc bà Nguyễn Ngọc A (Nguyen Anh N) hoàn trả ông Phạm Phú H số tiền 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng) trong tài khoản thẻ tiết kiệm số: 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T1 (Nguyen Henry H): Hủy Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 tại Văn phòng C1 giữa ông Nguyễn Hoàng T1 và ông Phạm Phú H.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hoàng T1 (Nguyen Henry H) về yêu cầu ông Phạm Phú H phải thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T1 số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và trả số tiền lãi tương ứng là 514.600.000đ (năm trăm, mười bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 85/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Ông Phạm Phú H được nhận lại số tiền bảo đảm là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tại Tài khoản số 119002655613 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Ngọc A, ông Nguyễn Hoàng T1 có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 54/2024/KN-DS ngày 17/6/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 668/2022/DS-PT ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án

cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phạm Phú H cho rằng ông H và bà Nguyễn Ngọc A là thông gia nên đã nhờ bà A chuyển số tiền 1.800.000.000 đồng trong tài khoản thẻ tiết kiệm số: 220004355948, số seri: CA 02371990 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh cho con gái của ông H là chị Phạm Xuân T3 đang học tập và sinh sống tại Hoa Kỳ. Ngày 18/5/2017, ông H đã chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm nêu trên cho bà A. Do là chỗ thông gia nên hai bên không làm văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói về nội dung nhờ chuyển tiền giúp. Tuy nhiên, sau khi nhận thẻ tiết kiệm thì bà A đã sang Hoa Kỳ và không thực hiện việc chuyển số tiền nêu trên cho chị T3 nên ông H khởi kiện yêu cầu bà A phải trả lại cho ông H số tiền 1.800.000.000 đồng. Bà A xác định không có việc ông H nhờ bà A chuyển tiền cho con gái mà số tiền này nằm trong số tiền vợ chồng bà A, ông Nguyễn Hoàng T1 ủy quyền cho ông H chuyển nhượng nhà đất tại số 184/15 Đường số 10 thuộc sở hữu của ông T1 và bà Hồ Lệ T2 (C). Ông T1 có yêu cầu phản tố yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 00024899 ngày 25/7/2016 giữa ông T1 và ông H; buộc ông H phải trả lại cho ông T1 2.000.000.000 đồng và lãi phát sinh từ tháng 3/2017 theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, số tiền lãi tạm tính là 360.000.000 đồng.

[2] Tại Công văn số 330a/CV-CN5-BS ngày 12/4/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Ngày 18/5/2017, ông Phạm Phú H đã thực hiện chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm số seri: CA 02371990 (là số seri cũ trước khi chuyển quyền sở hữu), số tài khoản: 220004355948, số dư gốc là 1.800.000.000 đồng cho bà Nguyễn Ngọc A. Như vậy, có việc ông H chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm với số dư gốc là 1.800.000.000 đồng cho bà A.

[3] Ngày 25/7/2016, tại Văn phòng C1, ông Nguyễn Hoàng T1 lập Hợp đồng ủy quyền cho ông Phạm Phú H, trong đó có việc ông T1 ủy quyền cho ông H chuyển nhượng nhà đất tại số A Đường số A. Thực hiện việc ủy quyền, ông H đã chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho ông Trịnh Đức D với giá 6.500.000.000 đồng.

[4] Về quá trình thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại số 184/15 Đường số 10 giữa ông D với ông H và giữa ông H với vợ chồng ông T1:

[4.1] Ngày 22/02/2017, ông Phạm Phú H mở thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 00549885 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 9 Thành phố Hồ

Chí Minh với số tiền 4.000.000.000 đồng. Ngày 24/4/2017, ông H tất toán thẻ tiết kiệm nêu trên với số tiền gốc và lãi là 4.028.238.424 đồng. Cùng ngày 24/4/2017, ông H mở thẻ tiết kiệm số CA 02371990 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 4.028.000.000 đồng; số dư thẻ tiết kiệm đến ngày 16/5/2017 là 2.010.216.333 đồng. Đến ngày 18/5/2017, số dư thẻ tiết kiệm là 1.800.000.000 đồng và ông H làm thủ tục chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm cho bà A.

[4.2] Tại Bản tự khai ngày 05/11/2018, ông H khai: Ngày 12/12/2016, ông Trịnh Đức D nhận chuyển nhượng nhà đất tại số 184/15 Đường số 10 với giá 6.500.000.000 đồng. Ông D đặt cọc 2.000.000.000 đồng, bà T2 nhận 1.000.000.000 đồng, ông T1 nhận 1.000.000.000 đồng, còn lại 4.500.000.000 đồng ngày ra Phòng Công chứng lập thủ tục chuyển nhượng, ông D trả tiếp 500.000.000 đồng, ông T1 và bà T2 chia nhau. Đến ngày 22/02/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 9, Phòng giao dịch Gò V giải ngân cho ông D vay 4.000.000.000 đồng và mở sổ tiết kiệm do ông H đứng tên. Ngày 24/4/2017, ông H chuyển về Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 5 và gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 năm.

[4.3] Như vậy, ông H thừa nhận số tiền chuyển nhượng nhà đất tại số 184/15 Đường số 10 ông D đã mở thẻ thiết kiệm đứng tên ông H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C – Chi nhánh 9 Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng giao dịch Gò V, sau đó ông H chuyển sang mở thẻ tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C - Chi nhánh 5 Thành phố Hồ Chí Minh (chính là thẻ tiết kiệm được chuyển quyền sở hữu cho bà A với số dư 1.800.000.000 đồng). Lời khai của ông H phù hợp với quá trình biến động của thẻ tiết kiệm đứng tên ông H và lời khai của vợ chồng bà A, ông T1.

[5.] Ông H cho rằng ngày 16/5/2017, ông H đã thanh toán cho ông T1 4.000.000.000 đồng tiền mặt tại nhà của ông H nhưng ông H không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Ông Trịnh Bá T4 và bà Hồ Lệ T2 chỉ trình bày là có nghe ông T1 nói đã nhận đủ tiền chuyển nhượng hai căn nhà nhưng không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền.

[6.] Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà A trả cho ông H số tiền 1.800.000.000 đồng trong thẻ tiết kiệm là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông T1, hủy Hợp đồng ủy quyền giữa ông T1 với ông H và buộc ông H phải thanh toán cho ông T1 số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, trường hợp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông T1 thì phải tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên "*Quyết định áp dụng biện*

pháp khẩn cấp tạm thời số: 85/2018/QĐ- BPKCTT ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm" là không đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, dẫn đến tài khoản Ngân hàng của bà A vẫn bị phong tỏa, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà A. Đồng thời, tại Công văn số 15859/CTHADS-NV1 ngày 30/7/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức thi hành xong Bản án dân sự phúc thẩm số 668/2022/DS-PT ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, cần hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 54/2024/KN-DS ngày 17/6/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 668/2022/DS-PT ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án "*Tranh chấp hợp đồng chuyển quyền sở hữu thẻ tín dụng*" giữa nguyên đơn là ông Phạm Phú H với bị đơn là bà Nguyễn Ngọc A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng T1 và bà Hồ Lệ T2.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Vụ 9 - VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo hồ sơ vụ án);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ II (2b), VP TANDTC, HS, TP chủ tọa.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Minh